



CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ 4

ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH - Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính

Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 hay còn gọi là Cách mạng công nghiệp 4.0 với nền tảng công nghệ là dữ liệu lớn, điện toán đám mây và kết nối Internet toàn diện đang trở thành mối quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế này và đòi hỏi cần phải có các chính sách, biện pháp tích cực, trong đó có các chính sách tài chính để có thể tận dụng các lợi thế nhằm phát triển công nghiệp trong nước, hạn chế tác động tiêu cực mà cuộc cách mạng công nghiệp này có thể mang lại.

Từ khóa: Cách mạng công nghiệp 4.0, tài chính, chính sách tài chính

The fourth industrial revolution, known as the Industrial Revolution 4.0, with its large data technology platform, cloud computing and comprehensive internet connectivity is becoming a focus of most countries around the world. In the process of international economic integration, Vietnam is not out of the trend and, therefore, releases positive policies and measures including financial policies to be able to take advantages for industrial development while preventing the negative impacts of this revolution.

Keywords: Industrial Revolution 4.0, finance, financial policy

Ngày nhận bài: 5/5/2017
 Ngày chuyển phân biên: 8/5/2017
 Ngày nhận phân biên: 24/5/2017
 Ngày chấp nhận đăng: 26/5/2017

Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0

Cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) dự báo sẽ giúp cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân trên toàn thế giới. Công nghệ mới sẽ giúp tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới, giảm chi phí vận chuyển, liên lạc, từ đó tăng hiệu quả và năng suất lao động, do đó chuỗi cung ứng toàn cầu sẽ trở nên đơn giản, hiệu quả hơn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, CMCN 4.0 có thể có những ảnh hưởng lớn tới thị trường lao động khi tự động

hóa thay thế con người trong hoạt động sản xuất có thể dẫn đến dư thừa lao động, gây ra tình trạng mâu thuẫn xã hội và gia tăng bất bình đẳng. Cùng với đó, CMCN 4.0 sẽ tạo ra áp lực đối với chi tiêu chính phủ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của đổi mới công nghệ và chi cho an sinh xã hội để hạn chế sự gia tăng bất bình đẳng.

Cuộc CMCN 4.0 có thể tạo ra lợi thế cho những nước đi sau như Việt Nam, hình thành và phát triển nhanh nền kinh tế tri thức, thu hẹp khoảng cách và đuổi kịp những nước đi trước trong khu vực và thế giới thông qua việc tiếp thu, làm chủ và ứng dụng nhanh vào sản xuất kinh doanh, quản lý những tiến bộ, thành tựu công nghệ (kể cả phương thức sản xuất, quản lý). Như vậy, Việt Nam có cơ hội lớn để tiếp cận và bước vào cuộc cách mạng sản xuất mới đang diễn ra trên thế giới. Tuy nhiên, CMCN 4.0 cũng có thể tạo ra nguy cơ phá vỡ thị trường lao động trong bối cảnh lực lượng lao động lớn; lợi thế về nhân công giá rẻ sẽ mất dần; nguy cơ tụt hậu xa hơn... Thêm vào đó, khoảng cách công nghệ và tri thức có thể ngày càng lớn do phân hóa thu nhập tăng cao, ảnh hưởng đến bất bình đẳng và ổn định xã hội.

Tác động của CMCN 4.0 đối với Việt Nam được dự báo trên một số mặt cụ thể như sau:

Thứ nhất, tác động đối với tăng trưởng kinh tế: Sự tiến bộ của khoa học, công nghệ (KH-CN) và kỹ thuật là động lực quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế thông qua năng suất lao động xã hội cao hơn, chất lượng sản phẩm tốt, giá thành hạ, từ đó tạo nguồn tích lũy lớn cho nền kinh tế.

Thứ hai, tác động đối với đầu tư: Việt Nam có khả



năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư trong nước vào các lĩnh vực sản xuất và lắp ráp thiết bị, linh kiện kỹ thuật số phục vụ cho sự kết hợp kỹ thuật số vào các ngành công nghiệp, cho phép Việt Nam trực tiếp tham gia vào cuộc CMCN 4.0. Tuy nhiên, CMCN 4.0 cũng có thể gây ra những yếu tố bất lợi trong thu hút đầu tư của Việt Nam, đó là chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn nhiều hạn chế, năng suất lao động đang ở mức thấp so với nhiều nước trong khu vực như Singapore, Thái Lan, Indonesia... Trong khi đó, để tham gia vào kỷ nguyên công nghiệp kết hợp với kỹ thuật số đòi hỏi người lao động phải có trình độ cao. Sự chậm trễ trong phát triển và đổi mới KHCCN không chỉ hạn chế khả năng thu hút đầu tư mà còn có thể dẫn tới thụt lùi so với nhiều nước trên thế giới.

Thứ ba, tác động đối với xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ: Xuất nhập khẩu của Việt Nam được dự báo chủ yếu chịu tác động dài hạn. CMCN 4.0 có thể làm chuyển dịch xuất khẩu của Việt Nam thông qua phát triển sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm công nghiệp phụ trợ, tham gia vào chuỗi cung toàn cầu, góp phần tăng khả năng xuất khẩu sang thị trường quốc tế với giá trị gia tăng cao hơn. Về nhập khẩu, CMCN 4.0 cũng cho phép người tiêu dùng tiếp cận với các sản phẩm, thông tin sản phẩm và hình thức mua hàng trực tuyến dễ dàng hơn. Điều này có thể tạo sức ép cạnh tranh nhất định đối với doanh nghiệp (DN) trong nước, trong đó các mặt hàng như đồ điện tử, đồ gia dụng và quần áo dự báo sẽ là những mặt hàng bị cạnh tranh gay gắt nhất. Ngành dịch vụ, ngành du lịch, dịch vụ tư vấn từ xa (kế toán, quản trị DN, giáo dục...) có thể tận dụng được rất nhiều lợi thế để xuất khẩu, ngược lại trong tương lai có thể nhập khẩu nhiều hơn các dịch vụ cấp cao như giáo dục trực tuyến, tư vấn kinh doanh, quản lý nhân sự cao cấp...

Thứ tư, tác động đối với việc làm: Nhu cầu nhân công giá rẻ kỹ năng thấp sẽ nhường chỗ cho nhu cầu đối với nhân lực trình độ cao, tạo áp lực lớn lên thị trường lao động, đặc biệt là lao động trong các ngành truyền thống như dệt may, da giày, công việc văn phòng, bán hàng... Nếu không có giải pháp tổng thể nâng cao kỹ năng của người lao động, Việt Nam sẽ đối mặt với tình trạng dư thừa lao động và thất nghiệp.

Thứ năm, tác động đến DN Việt Nam: CMCN 4.0 có thể làm tăng năng lực cạnh tranh của DN thông qua tăng năng suất, sản lượng, chất lượng và giảm chi phí; khuyến khích đầu tư cho KHCCN và sản phẩm mới; Thúc đẩy thương mại điện tử và hình thành các mô hình kinh doanh mới, cải thiện

hiệu quả và tạo ra các loại hình doanh thu mới. Tuy nhiên, hầu hết các DN Việt Nam chưa chuẩn bị sẵn sàng cho CMCN 4.0 vì phần lớn DN có quy mô vừa và nhỏ, chủ yếu DN ngoài quốc doanh nên khả năng đầu tư cho KHCCN thấp.

Thứ sáu, tác động đến tài chính nhà nước: CMCN 4.0 tác động tích cực đến ngành Tài chính Việt Nam thông qua việc phát triển giao dịch trực tuyến thuế, hải quan, Kho bạc Nhà nước (KBNN); Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis); Thủ tục hành chính thuế, hải quan... Tuy nhiên, CMCN 4.0 cũng gây ra một số thách thức trong việc xây dựng hệ thống thể chế chính sách tài chính - NSNN phù hợp với bối cảnh và tình hình mới, hiện đại hóa nhanh và mạnh, phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Bên cạnh đó, về chi ngân sách nhà nước (NSNN), CMCN 4.0 vừa góp phần giảm chi NSNN ở một số nội dung như (chi bảo vệ môi trường, chi cho bộ máy hành chính nhà nước...) nhưng cũng có thể gây sức ép tăng chi, đặc biệt là chi cho phát triển KHCCN, an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, KHCCN, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, cơ sở hạ tầng...

Ngoài ra, CMCN 4.0 cũng có thể tác động lên thị trường tài chính Việt Nam thông qua sự thay đổi về cơ cấu lao động trong ngành Tài chính; tạo thuận lợi cho toàn bộ các giao dịch hiện nay tại Việt Nam trong tương lai, theo đó có thể sẽ làm tăng tính thanh khoản trên thị trường tài chính tiền tệ. Thương mại điện tử sẽ tăng trưởng mạnh; thương mại dịch vụ có xu hướng tăng nhanh, do đó đòi hỏi phải có giải pháp quản lý nhà nước về thuế đối với giao dịch qua biên giới, giá chuyển nhượng, chuyển nhượng gián tiếp phải đổi mới kịp thời với điều kiện mới. Ngoài ra, CMCN 4.0 cũng sẽ tác động làm thay đổi các phương thức về an ninh quốc phòng, chính sách an sinh xã hội...

Thực trạng chính sách tài chính cho phát triển công nghiệp ở Việt Nam

Trong thời gian qua, có rất nhiều chính sách nói chung, chính sách tài chính nói riêng được thực hiện nhằm mục tiêu phát triển công nghiệp ở Việt Nam. Riêng với chính sách tài chính đã được hình thành như:

- Một hệ thống các chính sách ưu đãi về thuế đã được hình thành đồng bộ, phù hợp với các nguyên tắc của thương mại và thông lệ quốc tế nhằm thu hút vốn, khuyến khích đầu tư cho các lĩnh vực như: (i) 3 ngành công nghiệp mũi nhọn gồm có cơ khí chế tạo (ô tô, đóng tàu, thiết bị toàn bộ, máy nông nghiệp, cơ điện tử); thiết bị điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin; sản phẩm từ công nghệ mới



(năng lượng mới, năng lượng tái tạo, công nghiệp phần mềm, nội dung số); và 7 ngành công nghiệp ưu tiên phát triển là dệt may, da giày, nhựa, chế biến nông lâm thủy sản, khai thác chế biến bauxit nhôm, thép, hóa chất; ngành năng lượng (đầu khí, than, điện); ngành cơ khí trọng điểm và ngành công nghiệp hỗ trợ (cơ khí chế tạo, điện tử - tin học, sản xuất lắp ráp ô tô, dệt may, da giày, và các ngành công nghệ cao...); (ii) Các vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất; (iii) Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ; (iv) Hỗ trợ phát triển DN vừa và nhỏ, DN khởi nghiệp (start up), bao gồm thuế thu nhập DN, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng... nhằm hỗ trợ thúc đẩy phát triển công nghiệp, các lĩnh vực, địa bàn ưu tiên phát triển công nghiệp.

Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động tích cực đến ngành Tài chính Việt Nam thông qua việc phát triển giao dịch trực tuyến thuế, hải quan, Kho bạc Nhà nước; Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis); Thủ tục hành chính thuế, hải quan... Tuy nhiên, Cách mạng công nghiệp 4.0 cũng gây ra một số thách thức trong việc xây dựng hệ thống thể chế chính sách tài chính - ngân sách nhà nước phù hợp với bối cảnh và tình hình mới.

- Chính sách tài chính cho phát triển KHCN được thể hiện ở việc khuyến khích cá nhân, DN đầu tư vào KHCN; Cơ chế lập dự toán nhiệm vụ KHCN; Cơ chế khoán sử dụng kinh phí; cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN; Cơ chế định giá kết quả nghiên cứu khoa học; Cơ chế quản lý tài chính đối với hệ thống các Chương trình quốc gia về KHCN; Cơ chế quản lý tài chính đối với các Quỹ KHCN quốc gia (Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và Quỹ phát triển KHCN quốc gia)... Bên cạnh đó, bố trí chi ngân sách nhà nước cho phát triển hoạt động KHCN cơ bản đảm bảo được mục tiêu của Nghị quyết Trung ương, đạt mức 2% tổng chi ngân sách nhà nước (tương đương 0,5-0,6% GDP). Đến nay, NSNN vẫn là nguồn lực chủ đạo, chiếm tới 65%-70% tổng mức đầu tư toàn xã hội cho hoạt động KHCN. Đặc biệt, tổng chi NSNN cho KHCN giai đoạn 2011-2015 (không tính chi trong an ninh, quốc phòng và chi từ nguồn ưu đãi thu nhập tính thuế của các DN theo quy định) cao gấp 1,73 lần so với giai đoạn 2005-2010.

- Hình thành Quỹ phát triển KHCN đã được hình thành. Kinh phí từ xã hội, DN được huy động; DN được khuyến khích tạo điều kiện đổi mới công

nghệ, đa dạng hóa nguồn kinh phí ngoài ngân sách cho hoạt động KHCN, đặc biệt ưu tiên đổi mới KHCN trong những ngành công nghiệp mũi nhọn.

- Chính sách tài chính cho phát triển nguồn nhân lực công nghiệp cũng được thực hiện. Việc đảm bảo nguồn vốn cho yêu cầu phát triển nhân lực ngành công nghiệp những năm qua cũng đã đặc biệt được chú trọng, bao gồm cả nguồn lực từ NSNN, từ nguồn vốn nước ngoài và từ nguồn đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động đào tạo nhân lực.

Ngoài ra, chính sách tín dụng đầu tư và tín dụng ưu đãi cũng đang được áp dụng cho các dự án thuộc ngành công nghiệp ưu tiên, các ngành công nghiệp mũi nhọn; khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất; các dự án đầu tư thuộc vùng kinh tế trọng điểm; công nghiệp hỗ trợ.

Tuy nhiên, qua thực tiễn thể chế hóa và tổ chức thực hiện các chính sách ưu đãi phát triển công nghệ ở Việt Nam cũng còn một số vấn đề cần được phân tích, nhận diện để có các biện pháp khắc phục phù hợp trong những năm tiếp theo, đó là:

Một là, các định hướng về phát triển công nghiệp chậm được điều chỉnh do đó, dẫn đến việc ban hành và tổ chức thực hiện một số cơ chế, chính sách tài chính để thúc đẩy phát triển công nghiệp còn chưa thực sự đồng bộ, chưa bắt kịp đòi hỏi của thực tiễn, nhất là sự vận động của cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Hai là, phân bổ nguồn lực vẫn còn dàn trải, hiệu quả sử dụng vốn NSNN cho đầu tư phát triển công nghiệp chưa cao. Việc huy động nguồn lực của khu vực tư nhân cho việc đầu tư các cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu cho phát triển công nghiệp còn hạn chế trong khi NSNN ngày càng hạn hẹp...

Ba là, do việc xác định các ngành, lĩnh vực, khu vực ưu tiên phát triển liên quan đến lĩnh vực công nghiệp còn dàn trải, nên chính sách ưu đãi trong phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên chưa có sự tập trung, dẫn đến hiệu quả chưa cao, nhất là đối với việc thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

Bốn là, ngành công nghiệp hỗ trợ (CNHT) được xem là nền tảng và là yêu cầu để phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, trọng điểm, song đến nay ngành CNHT ở nước ta còn kém phát triển, hiệu quả của việc áp dụng các chính sách ưu đãi về tài chính đối với CNHT chưa cao do chưa xác định rõ (hoặc còn dàn trải) các mũi nhọn cần tập trung ưu tiên hỗ trợ phát triển.

Năm là, tiềm lực khoa học, công nghệ chậm được cải thiện, chưa làm chủ được quá trình nội địa hóa. Ứng dụng KHCN chưa trở thành động lực nội sinh



của từng DN, ngành, lĩnh vực. Việc khai thác và sử dụng các thành tựu về KHCN của các nước tiên tiến cũng có phần còn hạn chế. Hạn chế về khả năng ứng dụng công nghệ đang được xem là rào cản lớn nhất đối với yêu cầu thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng CNH, HĐH. Trình độ phát triển KHCN hiện nay của Việt Nam còn khoảng cách so với nhiều nước trong khu vực, đồng thời chênh lệch cũng ngày càng tăng nếu không tận dụng tốt các cơ hội từ CMCN 4.0.

Sáu là, khu vực nhà nước được xác định là vai trò chủ đạo của nền kinh tế, trong phát triển công nghiệp song hiệu quả hoạt động còn thấp, năng lực cạnh tranh kém, hiệu quả hoạt động chưa tương xứng với nguồn lực nắm giữ (quy mô vốn, tài sản), chưa phát huy tiềm năng, lợi thế, nguồn lực được nhà nước, xã hội giao, vẫn còn một số DN, tập đoàn, tổng công ty sản xuất kém hiệu quả, thua lỗ.

Một số định hướng giải pháp

Sự dịch chuyển tất yếu từ số hóa đơn giản (cuộc CMCN lần thứ 3) sang sự sáng tạo dựa trên sự kết hợp giữa các công nghệ (cuộc CMCN 4.0) đang đặt mỗi quốc gia trước yêu cầu phải từng bước hoàn thiện để thích nghi. Tại Việt Nam, để sẵn sàng và chủ động trong CMCN 4.0, cần có sự phối kết hợp mạnh mẽ giữa KHCN đối với các lĩnh vực trong xã hội và đòi hỏi phải có những giải pháp mang tính then chốt, đột phá. Theo đó, trong thời gian tới cần tập trung vào một số giải pháp như:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tài chính đảm bảo tính đồng bộ, công khai, minh bạch, ổn định và phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các cam kết quốc tế nói chung, các yêu cầu về phát triển công nghiệp nói riêng.

Thứ hai, tăng cường hiệu quả, đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển công nghiệp, nhất là phát triển hạ tầng công nghiệp thông qua thúc đẩy sự phát triển của hệ thống các thị trường tài chính theo chiều sâu trên cơ sở đa dạng hóa các định chế tài chính, các hàng hóa trên thị trường tài chính; khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế trong đầu tư phát triển cơ

sở hạ tầng cho ngành công nghiệp. Thu hút vốn đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao và các lĩnh vực công nghiệp có khả năng tạo giá trị gia tăng cao, bảo vệ môi trường, có khả năng kết nối giữa DN trong nước với chuỗi giá trị toàn cầu, đón đầu cuộc CMCN 4.0 nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với định hướng tái cấu trúc nền kinh tế của từng vùng, từng ngành và quốc gia.

Thứ ba, tiếp tục cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực DNNN gắn với việc thực hiện có kết quả quá trình tái cấu trúc DNNN, khuyến khích sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân trong phát triển các ngành công nghiệp.

Thứ tư, tập trung phát triển các yếu tố tiền đề để hỗ trợ cho chính sách công nghiệp như phát triển cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, KHCN nhằm đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ hiện đại trong CMCN 4.0.

Thứ năm, phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, phát triển CNHT; Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng cho DN, đặc biệt là các DNNVV, DN start up; Khuyến khích các DN cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển theo chiều sâu, ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ nguồn, xuất khẩu hàng đã qua chế biến;

Thứ sáu, thúc đẩy sự phát triển kinh tế vùng; khuyến khích hình thành các cụm liên kết ngành theo các lĩnh vực công nghiệp có lợi thế. Thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực, tác động lan tỏa đến các vùng khác. Tạo sự kết nối đồng bộ và hệ thống kết cấu hạ tầng để hình thành trục kinh tế, các hành lang kinh tế...

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tài chính (2016), Báo cáo "Định hướng Chính sách công nghiệp Quốc gia giai đoạn 2016-2025 và tầm nhìn đến 2035";
2. Bộ Tài chính (2016), Báo cáo "Đánh giá tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến kinh tế - tài chính Việt Nam";
3. Tài liệu hội thảo (2016) "Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề đặt ra đối với phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam", Ban Kinh tế Trung ương;
4. Boston Consulting Group (2015), "Industry 4.0: the future of productivity and growth in manufacturing industries", April 2015;
5. Roland Berger Consultants (2014), "Industry 4.0: the new industrial revolution, how Europe will succeed", March 2014.



Tiền thuế là của dân,
do dân đóng góp
để phục vụ lợi ích của nhân dân